

Số: /TTr-SGTVT

Hung Yên, ngày tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BGTVT ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Sau khi nghiên cứu, Sở GTVT đã thực hiện rà soát các văn bản QPPL, xây dựng dự thảo Hồ Sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC cấp tỉnh như sau:

- Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

(Gửi kèm dự thảo Hồ Sơ trình công bố Danh mục TTHC).

- Bãi bỏ 09 thủ tục hành chính có số thứ tự từ 51 đến 59 thuộc lĩnh vực II, phần Danh mục thủ tục hành chính và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính này được ban hành kèm theo Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2019/QĐ-CTUBND ngày 17/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh (*Mã số hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của các thủ tục này là: BGTVT-HYE-285276, BGTVT-HYE-285280, BGTVT-HYE-285285, BGTVT-HYE-285281, BGTVT-HYE-285279, BGTVT-HYE-285277, BGTVT-HYE-285278, BGTVT-HYE-285288*).

Kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định công bố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Sơn

Số: /QĐ-UBND
DỰ THẢO

Hưng Yên, ngày tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BGTVT ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số /TTr-SGTVT ngày /7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải (Có Danh mục kèm theo).

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm công khai nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính có trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định này theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và gửi nội dung công khai đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện công khai theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai thủ tục hành chính tại Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ 09 thủ tục hành chính có số thứ tự từ 51 đến 59 thuộc lĩnh vực II, phần Danh mục thủ tục hành chính và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính này được ban hành kèm theo Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2019/QĐ-CTUBND ngày 17/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh (*Mã số hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của các thủ tục này là: BGTVT-HYE-285276, BGTVT-HYE-285280, BGTVT-HYE-285285, BGTVT-HYE-285281, BGTVT-HYE-285279, BGTVT-HYE-285277, BGTVT-HYE-285278, BGTVT-HYE-285288*).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Hưng Yên;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTTH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng

PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Hình thức thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích <i>(Điền dấu “x” vào ô thích hợp)</i>		Căn cứ pháp lý
					Được tiếp nhận hồ sơ	Được trả kết quả	
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
II.	Lĩnh vực Đường bộ						
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.	Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Đường Quảng Trường, phường Hiến Nam, Tp.Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	- Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biên số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.			- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.	Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Đường Quảng Trường, phường Hiến Nam, Tp.Hung Yên, tỉnh Hưng Yên	- Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.		- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần/phương tiện.		
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; - Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.	Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Đường Quảng Trường, phường Hiến Nam, Tp.Hung Yên, tỉnh Hưng Yên	- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.		- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng. - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	Không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở GTVT.	Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Đường Quảng Trường, phường Hiến Nam, Tp.Hung Yên, tỉnh Hưng Yên	- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện. - Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.			<p>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
6	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.		- Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.			
7	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.		Không có			
8	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyên đến	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.		- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.			

9	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Đường Quảng Trường, phường Hiến Nam, Tp.Hung Yên, tỉnh Hưng Yên	Không có		<p>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
---	---	---	--	----------	--	---

PHẦN II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.
- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ:
- + Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;
- + Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của

Bộ GTVT được tính từ ngày cấp đăng ký đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng theo mẫu;

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước;

* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đăng lưu giữ bản chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.
- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
.....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp
.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú:

- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng được tạm nhập, tái xuất thuộc các chương trình dự án của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, các dự án ODA đầu tư tại Việt Nam lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ GTVT được tính từ ngày cấp đăng ký đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);
- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):
 - + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;
 - + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;
 - + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;
 - + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):
 - + Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.
 - + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.
 - + Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT
- + Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước;
 - * Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - * Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp

nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

2.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam: từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
6. Trụ sở giao dịch.....
7. Loại xe máy chuyên dùng:.....
8. Nhãn hiệu (mác, kiểu):
9. Công suất:(kW)
10. Màu sơn:.....
11. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:
13. Số khung:.....
14. Số động cơ:.....
15. Trọng lượng:(kg)...
16. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
17. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Biển số đề nghị cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:*

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi gần nhất.
- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ:
 - + Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;
 - + Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời có thời hạn 20 ngày kể từ ngày cấp.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi gần nhất

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:
 - + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;
 - + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;
 - + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;
 - + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước;

* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời.

3.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần/phương tiện.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
12. Trụ sở giao dịch.....
13. Loại xe máy chuyên dùng:.....
14. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 15. Công suất:(kW).....
16. Màu sơn:..... 17. Năm sản xuất:
18. Nước sản xuất:..... 19. Số khung:.....
20. Số động cơ:..... 21. Trọng lượng:(kg).....
22. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
22. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
23. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số đăng ký tạm thời:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị
đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;
- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.

4. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng cải tạo, thay đổi màu sơn; thay đổi các thông tin đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông Vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu, thu và cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp; trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp đổi biển số theo đúng số đã cấp cho chủ sở hữu, thu lại biển số hỏng.

- Trường hợp đăng ký xe máy chuyên dùng cải tạo: Hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn. Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

+ Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe

máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký xe máy chuyên dùng

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng;
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp;
- Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo;
- Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan (bản sao hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;
- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

4.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;
- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;

- Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....

5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:

6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....

8. Ngày cấp.....

9. Nơi cấp.....

10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....

24. Loại xe máy chuyên dùng:.....

25. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 26. Công suất:(kW).....

27. Màu sơn:..... 28. Năm sản xuất:

29. Nước sản xuất:..... 30. Số khung:.....

31. Số động cơ:..... 32. Trọng lượng:(kg).....

33. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....

Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....

Do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngàytháng.....năm.....

Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, số biển số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng bị mất Giấy chứng nhận đăng ký, biển số lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, sở Giao thông vận tải đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải trong thời hạn 15 ngày. Hết thời hạn đăng tải nếu không nhận được ý kiến phản hồi liên quan đến tranh chấp xe máy chuyên dùng đề nghị cấp lại đăng ký, trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu;

- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

5.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng;

- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu Tờ khai Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:

3. Ngày cấp:.....

4. Nơi cấp:.....

5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:

6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....

8. Ngày cấp.....

9. Nơi cấp.....

10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....

24. Loại xe máy chuyên dùng:.....

25. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 26. Công suất:(kW).....

27. Màu sơn:..... 28. Năm sản xuất:

29. Nước sản xuất:..... 30. Số khung:.....

31. Số động cơ:..... 32. Trọng lượng:(kg).....

33. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....

Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....

Do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngàytháng.....năm.....

Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, số biển số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

6. Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Xe máy chuyên dùng được mua bán, cho, tặng, thừa kế trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập hồ sơ nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định:

+ Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra: trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyên dùng theo tên của chủ sở hữu mới, giữ nguyên biển số cũ đã cấp, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu cũ, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

- + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;
- + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;
- + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
- + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

6.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.
- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu □

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:*

- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

7. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Xe máy chuyên dùng được mua bán, được cho, tặng, thừa kế khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải làm thủ tục di chuyển, đăng ký sang tên chủ sở hữu. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập hồ sơ theo quy định nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và có kết quả thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng, thu lại biển số, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, vào Sổ quản lý và trả hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký cho chủ sở hữu. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

7.8. Phí, lệ phí: Không có

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....

5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:

6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....

8. Ngày cấp.....

9. Nơi cấp.....

10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....

11. Loại xe máy chuyên dùng:.....

12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....

14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:

16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....

18. Số động :..... 19. Trọng lượng:(kg).....

20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....

Biển số đăng ký :.....

Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tảiđể được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chủ phương tiện

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:.....

đến Sở Giao thông vận tải:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;
- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

8. Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyên đến.

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng chuyên đến;
- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và có kết quả thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng chuyên đến

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định;

- Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

8.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
.....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp
.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú:

- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

9. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký.
- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng và trả lại hồ sơ đăng ký cho chủ sở hữu trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện có vi phạm quy định về cấp đăng ký, biển số, Sở Giao thông vận tải ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp và công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào Sở quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng.

9.8. Phí, lệ phí: Không có

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....

5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:

6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....

9. Nơi cấp.....

10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....

11. Loại xe máy chuyên dùng:.....

12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....

14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:

16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....

18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....

20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....

Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....

Do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngàytháng.....năm.....

Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số biển số:.....Ngày cấp.....Số đăng ký quản lý.....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày/...../.....

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;
- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.